



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2021



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT **ngày** 24 tháng 12 năm 2007

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt dự án và chuyển đổi Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt Nam Định thành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 **ngày** 25 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 27 tháng 4 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Tân	Chủ tịch
Ông Phạm Xuân Trình	Thành viên (từ ngày 24/4/2021)
Ông Nguyễn Văn Miêng	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên (từ ngày 24/4/2021)
Ông Nguyễn Xuân Vũ	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Khánh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Miêng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Minh Hạnh	Giám đốc Điều hành
Ông Vũ Ngọc Tuấn	Giám đốc Điều hành

Trụ sở đăng ký

43 Tô Hiệu
Phường Ngô Quyền
Thành phố Nam Định
Tỉnh Nam Định
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Ban Giám đốc Tổng Công ty đã thuyết minh các điều kiện liên quan đến đánh giá của Ban Giám đốc về giả định hoạt động liên tục trong Thuyết minh 2(c) của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Nam Định, **27 -08- 2021**



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Phạm Hùng Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 27-03-2021, được trình bày từ trang 6 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Dự phòng đầu tư tài chính

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, trong khoản mục đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty có khoản đầu tư vào một công ty liên kết là Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định với giá trị ghi sổ là 13.791 triệu VND (1/1/2021: 13.791 triệu VND). Ban Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng việc trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn này là không cần thiết do báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định thể hiện vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết này nhỏ hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tuy nhiên, công ty liên kết này, trên thực tế, chưa thực hiện đánh giá về khả năng thu hồi của một số khoản phải thu đã quá hạn trên 3 năm với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 13.034 triệu VND (1/1/2021: nợ quá hạn từ 1 đến 3 năm với giá trị ghi sổ là 37.444 triệu VND). Trong trường hợp Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định cần phải trích lập dự phòng cho các khoản phải thu đã quá hạn này, vốn chủ sở hữu thực có của công ty liên kết này sẽ thay đổi (vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết này có thể lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có) và, do đó, Tổng Công ty có thể sẽ cần phải lập dự phòng đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định.

Do hạn chế về thông tin liên quan đến khả năng thanh toán những khoản phải thu trên của những khách hàng có liên quan của Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục soát xét thích hợp để xác định khả năng thu hồi của các khoản phải thu này, do đó, không thể xác định giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định của Tổng Công ty và số dự phòng phải lập cho khoản đầu tư này tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như ảnh hưởng tương ứng đối với lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và các khoản mục chi phí tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế trên báo cáo kết quả kinh doanh riêng cho năm kết thúc cùng ngày.

Báo cáo kiểm toán và báo cáo soát xét của chúng tôi về báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 cũng đưa ra ý kiến kiểm toán và kết luận soát xét ngoại trừ tương ứng do ảnh hưởng của vấn đề tương tự đối với các khoản mục dự phòng giảm giá đầu tư, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và các khoản mục chi phí tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế trên báo cáo kết quả kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020. Các vấn đề đó có thể ảnh hưởng tới các số liệu so sánh có liên quan được trình bày tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Thu nhập từ cổ tức

Trong năm 2020, Tổng công ty ghi nhận khoản cổ tức 5,75 tỷ VND từ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt may Nam Định, một công ty liên kết, dựa trên đề xuất chia cổ tức của Hội đồng quản trị mà chưa có sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông của công ty liên kết này. Ngày 29 tháng 4 năm 2021, Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt may Nam Định thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 về việc chia cổ tức từ lợi nhuận giữ lại của năm 2020. Do đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, quyền nhận cổ tức này của Tổng công ty chưa được xác lập. Vì vậy, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm kết thúc cùng ngày, phải thu ngắn hạn khác và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán riêng đang bị ghi nhận thừa cùng một khoản 5,75 tỷ VND, doanh thu tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng đang bị ghi nhận thừa cùng một khoản 5,75 tỷ VND. Cho kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 6 năm 2021, doanh thu hoạt động tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng đang bị ghi nhận thiếu cùng một khoản 5,75 tỷ VND.



Kết luận soát xét ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trong phần Cơ sở của kết luận ngoại trừ, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 21-02-00231-21-R-1



Wang Toon Kim
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0557-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, **27 -08- 2021**

Phan Mỹ Linh
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 3064-2019-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		389.070.664.041	364.865.464.072
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	22.533.557.673	16.548.630.328
Tiền	111		22.533.557.673	16.548.630.328
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	5.000.000.000	5.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		223.822.202.311	213.028.941.603
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	218.370.735.257	198.264.898.873
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.776.786.530	5.763.546.713
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11	5.900.000.000	6.500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	12(a)	6.811.443.091	12.424.811.962
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(10.036.762.567)	(9.924.315.945)
Hàng tồn kho	140	14	134.836.457.008	127.622.124.400
Hàng tồn kho	141		136.072.913.781	128.858.581.173
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.236.456.773)	(1.236.456.773)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.878.447.049	2.665.767.741
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	19(a)	2.873.035.764	2.592.871.259
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	21	5.411.285	72.896.482

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		675.427.221.846	698.582.784.426
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.663.157.421	7.461.807.506
Phải thu dài hạn khác	216	12(b)	6.863.157.421	9.461.807.506
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(3.200.000.000)	(2.000.000.000)
Tài sản cố định	220		575.999.012.822	595.403.023.645
Tài sản cố định hữu hình	221	15	567.042.107.593	585.125.691.354
Nguyên giá	222		1.007.066.108.161	1.001.746.644.159
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(440.024.000.568)	(416.620.952.805)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	16	8.673.405.229	9.962.332.291
Nguyên giá	225		14.580.151.169	14.580.151.169
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(5.906.745.940)	(4.617.818.878)
Tài sản cố định vô hình	227		283.500.000	315.000.000
Nguyên giá	228		698.000.000	698.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(414.500.000)	(383.000.000)
Bất động sản đầu tư	230	17	5.845.834.641	6.138.075.942
Nguyên giá	231		12.378.939.809	12.378.939.809
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(6.533.105.168)	(6.240.863.867)
Tài sản dở dang dài hạn	240		18.279.324.718	18.461.496.771
Xây dựng cơ bản dở dang	242	18	18.279.324.718	18.461.496.771
Đầu tư tài chính dài hạn	250		64.883.209.426	64.883.209.426
Đầu tư vào công ty con	251	9(b)	17.518.479.633	17.518.479.633
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	9(b)	41.816.174.793	41.816.174.793
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9(b)	1.348.555.000	1.348.555.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	9(a)	4.200.000.000	4.200.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		6.756.682.818	6.235.171.136
Chi phí trả trước dài hạn	261	19(b)	6.756.682.818	6.235.171.136
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.064.497.885.887	1.063.448.248.498

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		833.205.561.196	862.532.337.392
Nợ ngắn hạn	310		442.830.447.224	439.613.992.814
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	142.658.207.066	69.765.673.948
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.140.331.564	791.548.122
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	13.768.560.682	624.259.709
Phải trả người lao động	314		5.644.103.458	5.942.131.174
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	1.875.431.976	2.492.223.722
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	26	-	1.348.189.639
Phải trả ngắn hạn khác	319	23(a)	3.830.350.267	4.205.736.467
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24(a)	268.118.107.718	353.163.375.540
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	795.354.493	1.280.854.493
Nợ dài hạn	330		390.375.113.972	422.918.344.578
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	26	980.500.735	-
Phải trả dài hạn khác	337	23(b)	6.331.923.822	6.331.923.822
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24(b)	383.062.689.415	416.586.420.756
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		231.292.324.691	200.915.911.106
Vốn chủ sở hữu	410	27	231.292.324.691	200.915.911.106
Vốn cổ phần	411	28	136.000.000.000	136.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		136.000.000.000	136.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	29	64.017.067.516	64.017.067.516
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.275.257.175	898.843.590
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		898.843.590	561.738.304
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		30.376.413.585	337.105.286
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.064.497.885.887	1.063.448.248.498

27 -08- 2021

Người lập:



Trần Phương Linh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
 Kế toán trưởng

Người duyệt: 

Nguyễn Văn Miêng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	572.674.413.093	524.641.503.986
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	32	506.178.293.166	498.299.720.260
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		66.496.119.927	26.341.783.726
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	9.960.927.731	10.441.415.318
Chi phí tài chính	22	34	23.153.335.507	34.211.685.193
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.959.950.100	25.398.310.032
Chi phí bán hàng	25	35	6.441.492.435	4.199.354.797
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	10.518.972.013	10.574.966.198
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		36.343.247.703	(12.202.807.144)
Thu nhập khác	31		537.350.270	393.191.330
Chi phí khác	32		85.472.581	52.738.477
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		451.877.689	340.452.853
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		36.795.125.392	(11.862.354.291)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	6.418.711.807	-
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		30.376.413.585	(11.862.354.291)

27 -08- 2021

Người lập:



Trần Phương Linh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		36.795.125.392	(11.862.354.291)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		29.446.142.871	29.401.109.014
Các khoản dự phòng	03		1.312.446.622	1.385.650.431
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.324.751.053)	(1.621.200.936)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(832.924.135)	(398.780.576)
Chi phí lãi vay	06		19.959.950.100	25.398.310.032
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		85.355.989.797	42.302.733.674
Biến động các khoản phải thu	09		(15.865.220.476)	(8.524.430.552)
Biến động hàng tồn kho	10		(7.214.332.608)	(1.297.795.894)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		86.918.636.848	17.334.445.478
Biến động chi phí trả trước	12		(801.676.187)	2.433.948.609
			148.393.397.374	52.248.901.315
Tiền lãi vay đã trả	14		(21.599.331.296)	(21.422.029.556)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(536.325.829)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(485.500.000)	(390.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		126.308.566.078	29.900.445.930
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(9.341.360.463)	(40.040.196.373)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		328.765.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(1.900.000.000)	(4.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay và rút tiền gửi có kỳ hạn	24		2.500.000.000	11.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		5.822.072.068	4.884.070.576
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.590.523.395)	(28.656.125.797)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		385.295.493.801	418.431.847.524
Tiền trả nợ gốc vay	34		(502.473.342.067)	(431.863.083.698)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(937.387.598)	(1.346.871.542)
Tiền trả cổ tức	36		(17.495.000)	(100.150.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(118.132.730.864)	(14.878.257.716)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		5.585.311.819	(13.633.937.583)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		16.548.630.328	35.180.329.997
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		399.615.526	183.746.082
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	22.533.557.673	21.730.138.496

27 -08- 2021

Người lập:

 

Trần Phương Linh
Kế toán tổng hợp

Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Sản xuất sợi các loại, chỉ các loại;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt: in, nhuộm màu, giặt, hồ, chống thấm, phòng co;
- Sản xuất hàng may sẵn, quần áo các loại;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác: khăn bông; các sản phẩm dệt, may khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Buôn bán chuyên doanh khác: mua bán sợi, bông, khăn, hóa chất, thuốc nhuộm, bột hồ, phụ tùng máy móc thiết bị ngành sợi, dệt may;
- Buôn bán tổng hợp: mua bán các sản phẩm ngành sợi, dệt, may;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, ký túc xá công nhân;
- Dịch vụ ăn uống khác: dịch vụ cơm ca công nhân;
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành sợi, dệt, may, xây dựng và đồ dùng hữu hình khác;
- Dạy nghề: sợi, dệt, may (ngắn hạn);
- Xây dựng nhà các loại, các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải;
- Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản: dịch vụ cho thuê ki ốt; văn phòng, nhà xưởng, ga ra ô tô;
- Cho thuê ô tô con, ô tô tải, ô tô chở khách;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì; và
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty có 4 công ty con và 4 công ty liên kết (1/1/2021: 4 công ty con và 4 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty có 1.175 nhân viên (1/1/2021: 1.103 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 53.760 triệu VND (1/1/2021: 74.749 triệu VND). Hơn nữa, Tổng Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 24(a)). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này cơ bản tùy thuộc vào khả năng Tổng Công ty có thể duy trì các hợp đồng tín dụng hiện tại để cấp vốn cho các hoạt động nhằm giúp Tổng Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tổng Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty tin rằng Tổng Công ty sẽ không thể duy trì các hợp đồng tín dụng hiện tại để tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động khi cần thiết.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 6 – 50 năm |
| ▪ thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 – 8 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 5 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 10 năm |

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Phần mềm máy vi tính

(h) **Bất động sản đầu tư cho thuê**

(ii) *Khấu hao*

- nhà cửa, vật kiến trúc 6 – 50 năm

(j) **Chi phí trả trước dài hạn**

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

16

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tổng Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm/kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty trong năm/kỳ trước.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Tổng Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	897.004.979	887.835.871
Tiền gửi ngân hàng	21.636.552.694	15.660.794.457
	22.533.557.673	16.548.630.328

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	5.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
▪ Trái phiếu (ii)	4.200.000.000	(*)

	1/1/2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	5.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
▪ Trái phiếu (ii)	4.200.000.000	(*)

- (i) Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng dưới 12 tháng và hưởng lãi suất năm dao động từ 6,2% đến 6,4% (1/1/2021: từ 6,2% đến 6,4%).
- (ii) Các khoản trái phiếu do ngân hàng phát hành, có kỳ hạn 10 năm, đáo hạn vào các năm 2028 và 2029 và hưởng lãi suất năm từ 6,8% đến 7,2% (1/1/2021: từ 6,8% đến 7,2%).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Bên liên quan		
<i>Công ty con</i>		
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	2.115.403.516	1.409.892.970
Công ty TNHH MTV Chấn len Dệt May Nam Định	746.582.257	1.788.419.544
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	505.156.804	179.626.488
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	19.560.675	-
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định (*)	112.404.322.492	119.233.824.989
Công ty Cổ phần May I Dệt Nam Định	1.340.849.402	241.204.811
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	63.983.897	48.483.349
Bên khác		
China Ctexic Corporation	17.427.381.038	-
Xiamen Haixia Investment Co., Ltd	9.628.562.275	4.076.351.244
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	8.337.986.489	-
Công ty TNHH Dệt May Phú Cường	4.605.374.629	4.686.453.694
Công ty TNHH Đức Hiếu	-	7.737.710.301
Các khách hàng khác	61.175.571.783	58.862.931.483
	218.370.735.257	198.264.898.873

- (*) Trong khoản phải thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 từ Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định có khoản phải thu trị giá 23,2 tỷ VND đã được thỏa thuận thu hồi thông qua việc chuyển nhượng tài sản từ hợp đồng mua bán tài sản trên đất tại lô đất N8, Khu Công nghiệp Hòa Xá, Tỉnh Nam Định, ký kết ngày 25 tháng 3 năm 2020 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, hai bên đang tiến hành các thủ tục bàn giao quyền sở hữu các tài sản này.

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con và công ty liên kết không có đảm bảo, có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn và được tính lãi chậm nộp với lãi suất năm là 6,5% (2020: 7,5%) khi quá hạn mà các công ty này chưa thanh toán.

11. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Phải thu về cho vay ngắn hạn phản ánh các khoản cho vay cấp cho Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định, một công ty liên kết. Các khoản cho vay này không được đảm bảo và hưởng lãi suất tương đương với lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm vay là 6,5% (2020: 7,5%) một năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Cổ tức phải thu các công ty con và công ty liên kết	2.875.000.000	8.328.879.000
Phải thu các công ty con và công ty liên kết về tiền đất cho thuê	3.335.015.814	3.163.492.425
Phải thu tiền lãi cho vay từ công ty liên kết	32.825.000	36.995.968
Ký cược, ký quỹ	420.878.000	420.868.000
Phải thu khác	147.724.277	474.576.569
	6.811.443.091	12.424.811.962

Trong các khoản phải thu ngắn hạn khác có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Chấn len Dệt May Nam Định	980.361.146	2.511.040.148
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	667.146.257	281.625.000
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	310.416.720	924.920.044
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	-	198.534.000
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	2.875.000.000	5.750.000.000
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	1.033.812.138	1.062.606.642
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	356.212.181	476.641.559
Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	19.892.372	324.000.000
	6.242.840.814	11.529.367.393

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không được đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Phải thu về thanh lý tài sản cố định (i)	3.200.000.000	3.200.000.000
Phải thu hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty (ii)	2.870.068.105	5.793.421.544
Phải thu dài hạn khác	793.089.316	468.385.962
	6.863.157.421	9.461.807.506

- (i) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Kinh Bắc Thành Nam liên quan đến việc bán Nhà máy may Bình Minh từ năm 2016. Do vướng mắc trong các thủ tục hành chính liên quan đến việc chuyển nhượng cho đối tác, cho đến nay Tổng Công ty vẫn chưa thu hồi được khoản phải thu nói trên. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, toàn bộ khoản phải thu này đã được trích dự phòng.
- (ii) Đây là khoản phải thu Ngân sách Nhà nước liên quan đến các chi phí phát sinh từ Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định về Khu Công nghiệp Hòa Xá (“Dự án di dời”), bao gồm chi phí đo vẽ nhà đất, chi phí di dời, chi phí vận chuyển, lắp đặt máy móc liên quan đến Dự án di dời, chi phí sản xuất chạy thử và các chi phí hỗ trợ doanh nghiệp di dời do ngừng sản xuất. Tổng Công ty đang trong quá trình làm thủ tục để xin hỗ trợ phần còn lại của khoản phải thu trị giá 2,9 tỷ VND liên quan đến các chi phí hỗ trợ doanh nghiệp di dời do ngừng sản xuất theo Công văn số 2510/STC-ĐT ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Sở Tài chính và Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị.

13. Dự phòng phải thu khó đòi

	30/6/2021				1/1/2021			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Thành Vin	Từ 2 năm đến 3 năm	5.134.999.999	(5.134.999.999)	-	Từ 1 năm đến 2 năm	5.259.999.999	(5.259.999.999)	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	Trên 3 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-	Trên 3 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-
Các đối tượng khác	Từ 6 tháng đến 1 năm	331.705.438	(99.511.630)	232.193.808	Từ 6 tháng đến 1 năm	1.082.286.451	(324.685.935)	757.600.516
Các đối tượng khác	Từ 1 năm đến 2 năm	986.936.475	(493.468.238)	493.468.237	Từ 1 năm đến 2 năm	3.260.117.668	(2.030.058.834)	1.230.058.834
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	4.625.723.335	(4.625.723.335)	-	Trên 3 năm	1.426.511.812	(1.426.511.812)	-
		13.962.424.612	(13.236.762.567)	725.662.045		13.911.975.295	(11.924.315.945)	1.987.659.350
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			(10.036.762.567)				(9.924.315.945)	
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			(3.200.000.000)				(2.000.000.000)	
			(13.236.762.567)				(11.924.315.945)	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Hàng tồn kho

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	56.890.542.147	-	7.363.780.455	-
Nguyên vật liệu	27.734.538.956	-	76.821.279.260	-
Công cụ và dụng cụ	121.692.553	-	186.936.204	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.785.555.584	-	7.294.622.887	-
Thành phẩm	38.816.133.495	(1.062.555.435)	35.283.646.893	(1.062.555.435)
Hàng hóa	2.724.451.046	(173.901.338)	1.908.315.474	(173.901.338)
	136.072.913.781	(1.236.456.773)	128.858.581.173	(1.236.456.773)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có 2.165 triệu VND hàng tồn kho (1/1/2021: 2.165 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	295.555.711.267	2.971.732.670	663.623.403.534	39.595.796.688	1.001.746.644.159
Mua mới trong kỳ	-	41.220.000	-	-	41.220.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 18)	2.901.847.047	-	4.707.858.110	2.157.362.555	9.767.067.712
Thanh lý	-	-	(3.453.969.165)	(1.034.854.545)	(4.488.823.710)
Số dư cuối kỳ	298.457.558.314	3.012.952.670	664.877.292.479	40.718.304.698	1.007.066.108.161
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	87.768.681.776	1.749.674.685	309.434.762.566	17.667.833.778	416.620.952.805
Khấu hao trong kỳ	7.400.509.780	94.684.269	18.337.596.053	2.000.684.406	27.833.474.508
Thanh lý	-	-	(3.443.691.783)	(986.734.962)	(4.430.426.745)
Số dư cuối kỳ	95.169.191.556	1.844.358.954	324.328.666.836	18.681.783.222	440.024.000.568
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	207.787.029.491	1.222.057.985	354.188.640.968	21.927.962.910	585.125.691.354
Số dư cuối kỳ	203.288.366.758	1.168.593.716	340.548.625.643	22.036.521.476	567.042.107.593

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có các tài sản cố nguyên giá 303.418 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 262.514 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại 509.545 triệu VND (1/1/2021: 541.769 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 24).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	14.580.151.169
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	4.617.818.878
Khấu hao trong kỳ	1.288.927.062
Số dư cuối kỳ	5.906.745.940
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	9.962.332.291
Số dư cuối kỳ	8.673.405.229

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tài sản cố định hữu hình thuê tài chính với giá trị còn lại 8.673 triệu VND (1/1/2021: 9.962 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 24).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	12.378.939.809
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	6.240.863.867
Khấu hao trong kỳ	292.241.301
Số dư cuối kỳ	6.533.105.168
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	6.138.075.942
Số dư cuối kỳ	5.845.834.641

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty bao gồm:

- Văn phòng cho thuê tại Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; và
- Ki-ốt cho thuê tại Số 43 Tô Hiệu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	18.461.496.771	46.552.689.583
Tăng trong kỳ	11.401.861.255	25.821.740.078
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(9.767.067.712)	(27.897.435.921)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(214.155.455)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.816.965.596)	(1.844.507.590)
Số dư cuối kỳ	18.279.324.718	42.418.330.695

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
San nền và giải phóng mặt bằng ở Khu Công nghiệp Hòa Xá	13.079.345.579	13.079.345.579
Dự án Nhà máy May Yên Bình	5.013.367.135	5.013.367.135
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	186.612.004	35.855.784
Các công trình khác	-	332.928.273
	18.279.324.718	18.461.496.771

19. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	699.155.385	473.042.775
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.173.880.379	2.119.828.484
	2.873.035.764	2.592.871.259

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu kỳ	6.235.171.136
Tăng trong kỳ	2.316.585.462
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 18)	1.816.965.596
Phân bổ trong kỳ	(3.612.039.376)
Số dư cuối kỳ	6.756.682.818

20. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ (*) 30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	758.552.972	1.129.870.630
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	38.265.637	-
Bên khác		
Viterra B.V.	39.440.984.376	-
Devcot S.A	24.210.907.937	7.381.238.385
Ecom USA LLC	12.635.390.160	-
Ecom Agroindustrial Corporation Ltd.	7.027.773.186	-
Afcom Trading DMCC	-	10.353.373.780
CAM Negoce, Division Cotton	-	7.585.559.661
Các nhà cung cấp khác	58.546.332.798	43.315.631.492
	142.658.207.066	69.765.673.948

(*) Số có khả năng trả nợ được trình bày ở trên được ước tính căn cứ trên giả định công ty mẹ tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tổng Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn như được nêu trong Thuyết minh 2(c).

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	599.361.876	26.961.407.070	(22.000.363.478)	5.560.405.468
Thuế nhập khẩu	-	179.256.613	(179.256.613)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(49.276.092)	6.418.711.807	-	6.369.435.715
Thuế thu nhập cá nhân	12.392.806	28.868.103	(36.309.353)	4.951.556
Thuế tài nguyên	12.505.027	71.934.454	(70.782.954)	13.656.527
Tiền thuê đất phải thu	-	-	(5.411.285)	(5.411.285)
Tiền thuê đất	-	2.897.457.537	(1.077.346.121)	1.820.111.416
Các loại thuế khác	(23.620.390)	34.620.390	(11.000.000)	-
	551.363.227	36.592.255.974	(23.380.469.804)	13.763.149.397
<i>Trong đó</i>				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(72.896.482)			(5.411.285)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	624.259.709			13.768.560.682

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí lãi vay	1.010.900.000	1.475.168.947
Chi phí điện, nước phải trả	702.370.292	732.891.372
Chi phí khác	162.161.684	284.163.403
	1.875.431.976	2.492.223.722

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

23. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	1.782.794.492	595.756.804
Cổ tức phải trả	1.051.841.250	1.069.336.250
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	945.534.525	2.490.463.413
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	50.180.000	50.180.000
	3.830.350.267	4.205.736.467

(*) Chi phí lãi vay phải trả công ty mẹ không có đảm bảo và phải trả khi được yêu cầu.

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty (*)	6.212.500.000	6.212.500.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	119.423.822	119.423.822
	6.331.923.822	6.331.923.822

(*) Đây là số tiền ứng trước từ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định (công ty liên kết) cho mục đích đền bù tài sản trên đất và hỗ trợ di dời của Dự án di dời Tổng Công ty.

24. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2021	Biến động trong kỳ		30/6/2021
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ (*) VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND
				Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ (*) VND
Vay ngắn hạn	310.179.153.751	385.665.310.440	(472.266.751.245)	223.246.439.467
Vay dài hạn đến hạn trả	40.864.920.203	32.141.444.512	(30.206.590.822)	42.733.554.212
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng	2.119.301.586	993.753.188	(937.387.598)	2.138.114.039
	353.163.375.540	418.800.508.140	(503.410.729.665)	268.118.107.718

(*) Số có khả năng trả nợ được trình bày ở trên được ước tính căn cứ trên giả định công ty mẹ tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tổng Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả đến hạn như được nêu trong Thuyết minh 2(c).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Bên khác				
Vay ngân hàng 1	USD	3,3% - 3,5%	49.718.460.843	48.572.054.548
Vay ngân hàng 2	VND	6,5%	49.322.499.980	98.199.700.586
Vay ngân hàng 3	USD	4,4%	-	15.845.625.892
Vay ngân hàng 4	VND	6,4%	20.517.198.105	45.286.745.296
Vay ngân hàng 5	VND	6,5%	56.295.483.840	59.281.460.357
Vay ngân hàng 6	USD	3,8% - 4%	31.401.908.836	1.902.978.640
Vay ngân hàng 7	USD	3,4%	6.356.644.012	34.316.820.883
Vay nhân viên	VND	2,4% - 6,9%	9.634.243.851	6.773.767.549
			223.246.439.467	310.179.153.751

Khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị ghi sổ là 65.218 triệu VND (1/1/2021: 68.124 triệu VND).

Các khoản vay nhân viên không được đảm bảo.

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay dài hạn (i)	421.175.121.505	451.730.628.510
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	6.759.236.161	7.840.014.035
	427.934.357.666	459.570.642.545
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(44.871.668.251)	(42.984.221.789)
	383.062.689.415	416.586.420.756

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Bên liên quan					
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	VND	7%	2023	64.999.388.608	64.999.388.608
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (**)	USD	LIBOR + 0,7%	2036	132.607.327.707	134.255.276.720
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định (*)	VND	8,5%	2022	9.000.000.000	9.000.000.000
Bên khác					
Vay từ ngân hàng 8 (***)	USD	4,5% - 5,5%	2024	116.516.956.941	135.225.612.965
Vay từ ngân hàng 9 (***)	VND	11,0%	2023	72.923.417.195	79.247.843.491
Vay từ ngân hàng 10	USD	7,7%	2024	15.678.031.054	19.552.506.726
Vay nhân viên (*)	VND	9,6%	2024	9.450.000.000	9.450.000.000
				421.175.121.505	451.730.628.510

(*) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(**) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam, công ty mẹ, cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”). Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 6 triệu USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 126.597 triệu VND (1/1/2021: 132.409 triệu VND).

(***) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình là toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc, với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 272.392 triệu VND (1/1/2021: 283.078 triệu VND).

Các khoản vay ngân hàng còn lại được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 45.338 triệu VND (1/1/2021: 58.158 triệu VND).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản nợ thuế tài chính

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính không thể hủy ngang như sau:

	30/6/2021		1/1/2021	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Nợ gốc VND	Tiền lãi thuế VND
Trong vòng một năm	2.444.656.894	306.542.855	2.138.114.039	305.790.357
Trong vòng hai đến năm năm	4.798.726.350	177.604.228	4.621.122.122	360.170.208
	7.243.383.244	484.147.083	6.759.236.161	665.960.565
				7.840.014.035

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, trong nợ thuế tài chính có số nợ có gốc ngoại tệ xấp xỉ 224.347 USD (1/1/2021: 246.570 USD).

Khoản vay nợ thuế tài chính này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình thuế tài chính có giá trị còn lại là 8.673 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 9.962 triệu VND) (Thuyết minh 16).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.280.854.493	1.780.454.493
Trích lập trong kỳ	-	-
Sử dụng trong kỳ	(485.500.000)	(390.100.000)
Số dư cuối kỳ	795.354.493	1.390.354.493

26. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước từ công ty con liên quan đến hoạt động cho thuê máy móc thiết bị.

27. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	136.000.000.000	64.017.067.516	561.738.304	200.578.805.820
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(11.862.354.291)	(11.862.354.291)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	136.000.000.000	64.017.067.516	(11.300.615.987)	188.716.451.529
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	136.000.000.000	64.017.067.516	898.843.590	200.915.911.106
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	30.376.413.585	30.376.413.585
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	136.000.000.000	64.017.067.516	31.275.257.175	231.292.324.691

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

28. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	30/6/2021 và 1/1/2021		
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số vốn cổ phần VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	7.299.700	53,67	72.997.000.000
Bà Trung Thị Nga	719.000	5,29	7.190.000.000
Các cổ đông khác	5.581.300	41,04	55.813.000.000
	13.600.000	100,00	136.000.000.000

29. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

30. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2021	1/1/2021
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.951.147.000	1.951.147.000
Từ hai đến năm năm	7.804.588.000	7.804.588.000
Sau năm năm	52.030.586.667	53.006.160.167
	61.786.321.667	62.761.895.167

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	168.358	3.857.894.316	15.952	363.273.324
EUR	450	12.279.459	450	12.279.459
		3.870.173.775		375.552.783

31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Bán hàng	506.567.958.822	462.855.440.038
Cung cấp dịch vụ	19.939.965.138	20.516.387.666
Dịch vụ gia công	40.397.922.553	34.467.891.767
Cho thuê bất động sản đầu tư	5.768.566.580	6.801.784.515
	572.674.413.093	524.641.503.986

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Thành phẩm và hàng hóa đã bán	448.701.901.720	452.224.527.538
Dịch vụ đã cung ứng	11.697.456.449	19.170.626.423
Dịch vụ gia công	43.490.396.055	26.130.159.565
Bất động sản đầu tư cho thuê	2.288.538.942	1.726.017.189
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(951.610.455)
	506.178.293.166	498.299.720.260

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	562.556.100	307.280.576
Lãi do người mua chậm trả	2.504.391.931	2.046.061.590
Cổ tức được chia	-	91.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.350.386.785	1.621.200.936
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.543.592.915	6.375.372.216
	9.960.927.731	10.441.415.318

34. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	19.959.950.100	25.398.310.032
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.167.749.675	8.813.375.161
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	25.635.732	-
	23.153.335.507	34.211.685.193

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	1.326.084.164	1.494.872.817
Chi phí đại lý bán hàng	872.130.623	891.081.245
Chi phí xuất khẩu	3.322.960.312	1.315.468.905
Chi phí bán hàng khác	920.317.336	497.931.830
	6.441.492.435	4.199.354.797

36. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí lương nhân viên	2.952.562.998	2.177.399.812
Dự phòng phải thu khó đòi	1.292.785.897	2.337.260.886
Chi phí phân bổ trả trước	727.979.296	1.156.270.996
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.265.020.897	1.336.116.704
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.280.622.925	3.567.917.800
	10.518.972.013	10.574.966.198

37. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	336.078.204.888	360.562.017.759
Chi phí nhân công	54.769.885.081	50.713.363.170
Chi phí khấu hao và phân bổ	29.446.142.871	29.401.109.014
Chi phí dịch vụ mua ngoài	93.465.644.324	89.414.623.077
Chi phí khác	15.402.299.749	10.948.567.924

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	36.795.125.392	(11.862.354.291)
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	7.359.025.078	(2.372.470.858)
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	504.773.058
Thu nhập không bị tính thuế	-	(18.300.000)
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trên lỗ tính thuế chưa ghi nhận	-	1.885.997.800
Ảnh hưởng của các khoản chênh lệch tạm thời	240.000.000	
Lợi ích của chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế trong các năm trước được phép mang sang theo Nghị định 132 (*)	(1.180.313.271)	-
	6.418.711.807	-

- (*) Chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế là số chi phí lãi vay trong năm vượt quá 30% tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm cộng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) và chi phí khấu hao phát sinh trong năm, do đó không được tính là chi phí khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết do Chính phủ ban hành ngày 5 tháng 11 năm 2020 (“Nghị định 132”). Theo Nghị định 132, các khoản chi phí lãi vay này được chuyển sang kỳ tính thuế sau và thời hạn được chuyển tiếp không quá 5 năm liên tục kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Chi phí lãi vay năm 2019 và 2020 với số tiền lần lượt là 18.245 triệu VND và 18.180 triệu VND được mang sang tối đa đến năm 2024 và 2025. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, chi phí lãi vay không được khấu trừ của các năm trước mang sang với số tiền 5.902 triệu VND đã được sử dụng để giảm trừ vào lợi nhuận tính thuế của kỳ hiện hành theo hướng dẫn của Nghị định 132.

(b) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Mua hàng hóa và dịch vụ	11.000.000	25.000.000
Hoàn trả khoản vay	1.233.663.803	1.139.592.026
Lãi vay và phí nhập gốc vay	1.133.242.122	2.304.069.134
Chi phí lãi vay	2.256.280.143	2.560.441.668
Công ty con		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	20.835.865	21.506.138
Mua dịch vụ	4.221.804.408	1.001.839.649
Chi phí lãi vay	384.625.000	386.750.000
Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.450.377.112	4.142.915.967
Mua hàng hóa	522.500	950.000
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	14.295.345.308	24.241.880.896
Mua hàng hóa	14.293.066.358	15.233.322.029
Lãi do người mua chậm trả	-	12.222.365
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.527.053.106	1.201.061.972
Mua dịch vụ	34.786.943	-
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	57.324.375.569	118.422.305.090
Mua hàng hóa	23.833.881.489	72.851.788.209
Lãi do người mua chậm trả	2.504.391.931	1.960.048.903
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa	617.070.868	717.320.020
Khoản cho vay	1.900.000.000	4.500.000.000
Nhận hoàn trả khoản vay	2.500.000.000	6.000.000.000
Thu nhập lãi vay	201.685.796	179.697.581
Lãi do người mua chậm trả	-	73.790.322
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa	-	252.810

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị giao dịch
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2021 30/6/2020
VND VND

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa	-	252.810
Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định		
Cung cấp dịch vụ	1.243.307.976	-
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		
Lương và thù lao đã trả	538.274.292	315.061.384

40. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Bù trừ khoản phải trả với cổ tức phải thu trong kỳ	198.534.000	283.620.000
Lãi vay và phí nhập gốc vay	369.816.639	2.304.069.134

41. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Số liệu so sánh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

27 -08- 2021

Người lập:



Trần Phương Linh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
 Kế toán trưởng

